



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

THÁNG 2/2023

TỔNG QUAN



“Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2023 đang phát đi những tín hiệu hồi phục tích cực ở hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt khu vực công nghiệp và thương mại. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý những thách thức vĩ mô trong ngắn hạn chưa hoàn toàn dứt điểm nền kinh tế.

Chúng tôi dự báo tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam năm 2023 ở mức 6,8% nhờ những nỗ lực hiệu quả của Chính Phủ trong thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa nhằm mục đích kiềm chế lạm phát và phục hồi nền kinh tế hậu giãn cách xã hội.

Chúng tôi dự báo tỷ giá và lạm phát sẽ tiếp tục biến động trong tầm kiểm soát và có thể giảm nhẹ dưới mục tiêu của Chính Phủ đề ra.

Ngoài ra, chúng tôi cũng kỳ vọng những tín hiệu khởi sắc của nền kinh tế vĩ mô năm 2023 sẽ được duy trì nhờ các động lực đến từ việc Chính phủ có thể đẩy nhanh tốc độ giải ngân vốn đầu tư công, tiêu dùng nội địa, tăng trưởng nguồn vốn FDI thực hiện, sản xuất công nghiệp hồi phục, xuất nhập khẩu hưởng lợi mạnh mẽ từ các hiệp định quốc tế và kỳ vọng Trung Quốc mở cửa trở lại.

Chúng tôi dự báo những rủi ro toàn cầu có thể xảy đến trong giai đoạn 2023 – 2025 bao gồm khủng hoảng lương thực, căng thẳng địa chính trị Nga – Ukraine kéo dài, nguy cơ xung đột Mỹ - Trung dẫn đến sự phân mảnh sâu sắc giữa các nền kinh tế, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi như Việt Nam.”

TỔNG QUAN

CTS DỰ BÁO NĂM 2023	ĐƠN VỊ	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Chỉ số giá tiêu dùng - CPI	% yoy	4,5%	> 4,5%
Tỷ giá USD/VND	VNĐ	24.000 – 24.500	> 24.500
Lãi suất tái chiết khấu	% yoy	4,5%	> 4,5%
Tăng trưởng tín dụng	% yoy	≥ 15%	< 15%
Tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới	% ytd	15%	< 15%
Giải ngân đầu tư công	% ytd	80 – 85%	< 80%
Tăng trưởng GDP	% yoy	6,8%	< 6,8%

Chú thích: CTS dự báo khả năng có thể xảy ra

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ VIỆT NAM

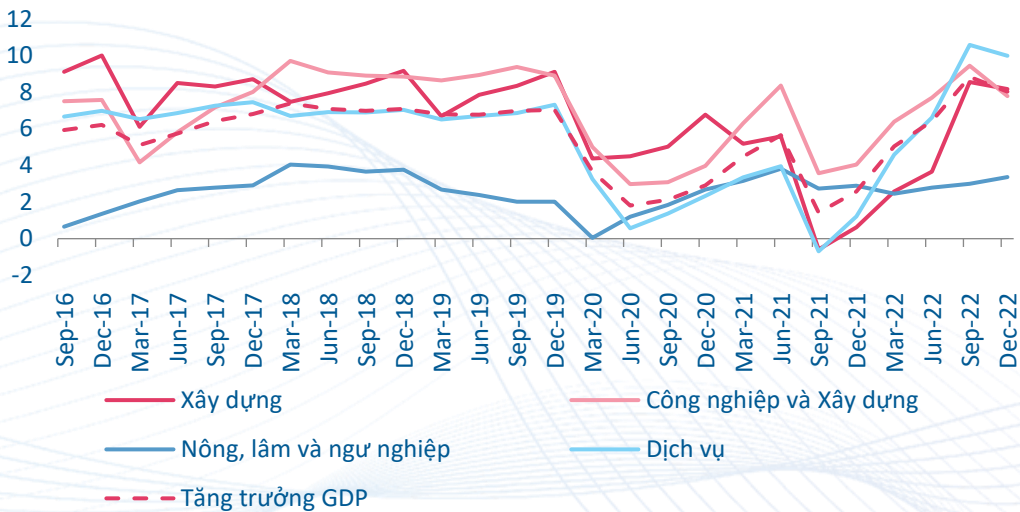
THÁNG 2 NĂM 2023

NỀN KINH TẾ PHỤC HỒI MẠNH MẼ

- GDP năm 2022 được ghi nhận tăng 8,02% (Quý I tăng 5,05%; Quý II tăng 7,83%; Quý III tăng 13,71%; Quý IV tăng 5,92%) so với năm trước, nguyên nhân là do chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả khi thúc đẩy tốc độ tăng trưởng vượt trội.
- Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,1%, tuy nhiên, khu vực dịch vụ là ngành khôi phục và tăng trưởng mạnh mẽ nhất với tốc độ tăng năm 2022 đạt 9,99%.

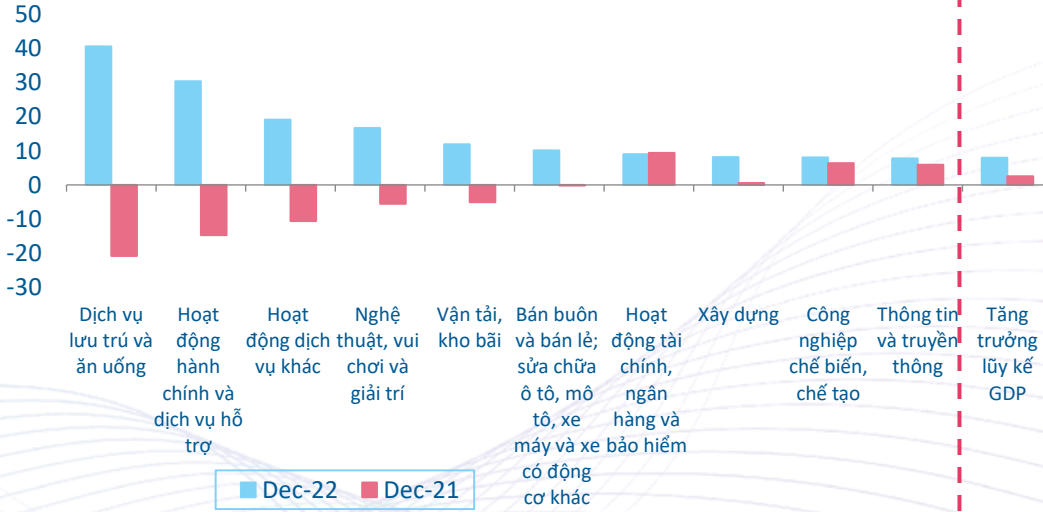
- Ngày 10/11/2022, Quốc Hội ban hành NQ68/2022/QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó, Việt Nam đặt mục tiêu năm 2023 tăng trưởng GDP đạt khoảng 6,5% và tăng trưởng CPI bình quân khoảng 4,5%. Đây là hai chỉ tiêu then chốt của nền kinh tế Việt Nam.
- Chúng tôi dự báo** tăng trưởng GDP năm 2023 của Việt Nam dựa trên ba kịch bản tích cực - cơ sở - tiêu cực, lần lượt, với tăng trưởng GDP đạt 7,3% - 6,8% - 6,2% và chỉ số CPI đạt 5% - 4,5% - 4,3%, phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế, và sự phục hồi du lịch.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng lũy kế GDP và các khu vực kinh tế, giai đoạn 2016 – 2022 (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 2: Các ngành có tốc độ tăng trưởng lũy kế cao nhất (đơn vị: %)

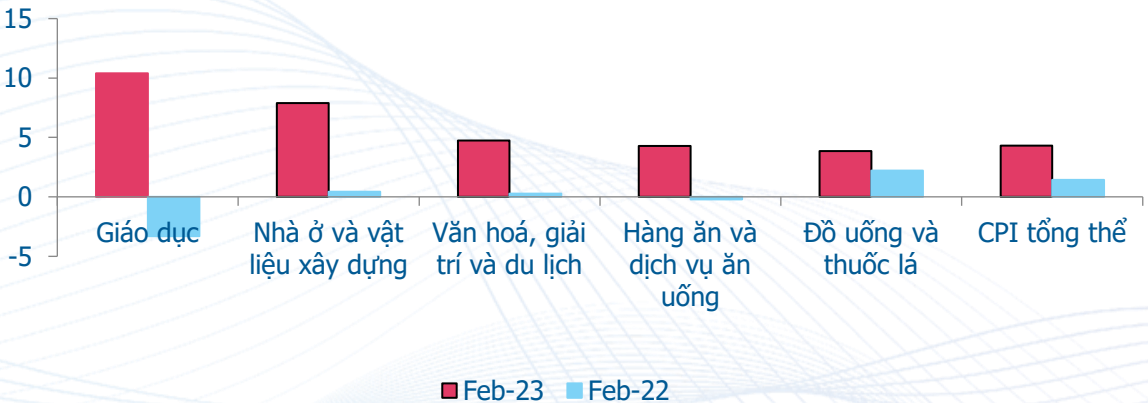


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

LẠM PHÁT ĐƯỢC KIỂM SOÁT ỔN ĐỊNH TUY NHIÊN ÁP LỰC LẠM PHÁT VẪN TỒN TẠI

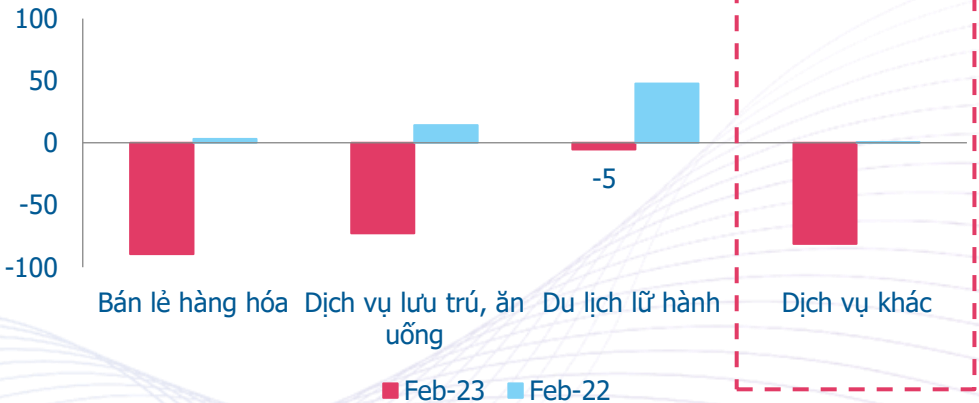
- Chỉ số CPI tháng 2 năm 2023 tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2022. Lạm phát cơ bản tháng 2 năm 2023 cũng tăng 4,96% so với cùng kỳ năm 2022. Cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.
- Chúng tôi đánh giá** lạm phát năm 2022 được kiểm soát tốt, đạt mục tiêu của Chính Phủ. Tuy nhiên, áp lực lạm phát vẫn tồn tại khi NHTW các nước vẫn trên lộ trình tăng lãi suất điều hành. **Chúng tôi dự báo** lạm phát có thể đạt đỉnh trong năm 2023. Ngoài ra, chúng tôi lưu ý giá cả hàng hóa của một số mặt hàng thiết yếu trong nước bao gồm giá điện, xăng dầu, lương thực cũng có thể sẽ tăng giá.
- Chúng tôi nhận định** trong bối cảnh mục tiêu hàng đầu của các NHTW các nước là kiềm chế lạm phát như hiện nay, Việt Nam có nhiều thách thức hơn trong việc hài hòa các mục tiêu tăng trưởng nền kinh tế và kiểm soát tối đa các thách thức vĩ mô.
- Chúng tôi đánh giá** động lực tăng trưởng nền kinh tế 2023 phụ thuộc vào giảm lãi suất mà vẫn đảm bảo tỷ giá và lạm phát ổn định nên biện pháp tăng cung tiền qua kích cầu đầu tư công và giảm thuế đối với một số mặt hàng chủ chốt bao gồm hàng hóa nhập khẩu, xăng dầu, điện, nước để tăng cầu nội địa trong khi vẫn sử dụng mạnh mẽ chính sách thắt chặt tiền tệ.

Biểu đồ 3: Chỉ số giá tiêu dùng CPI, so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 4: Tăng trưởng tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



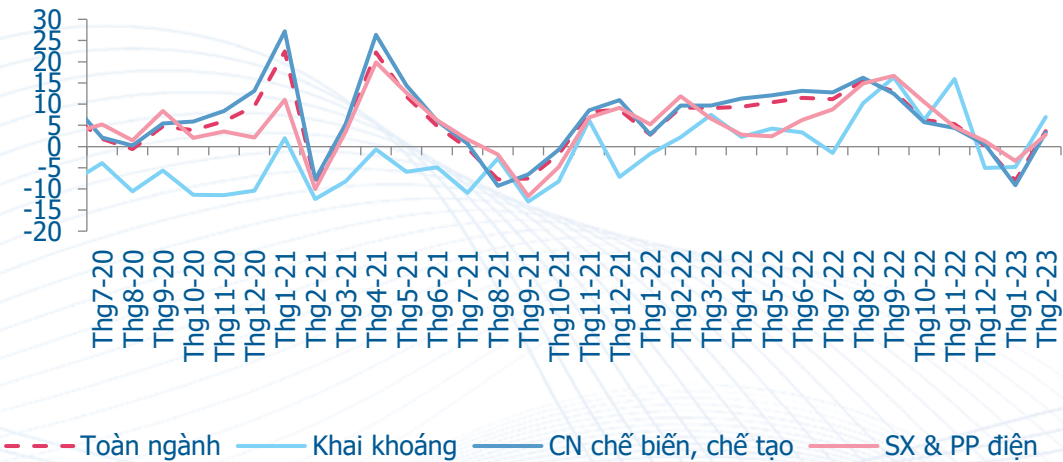
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

MỞ RỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH PHỤC HỒI, YẾU DẪN VỀ CUỐI NĂM

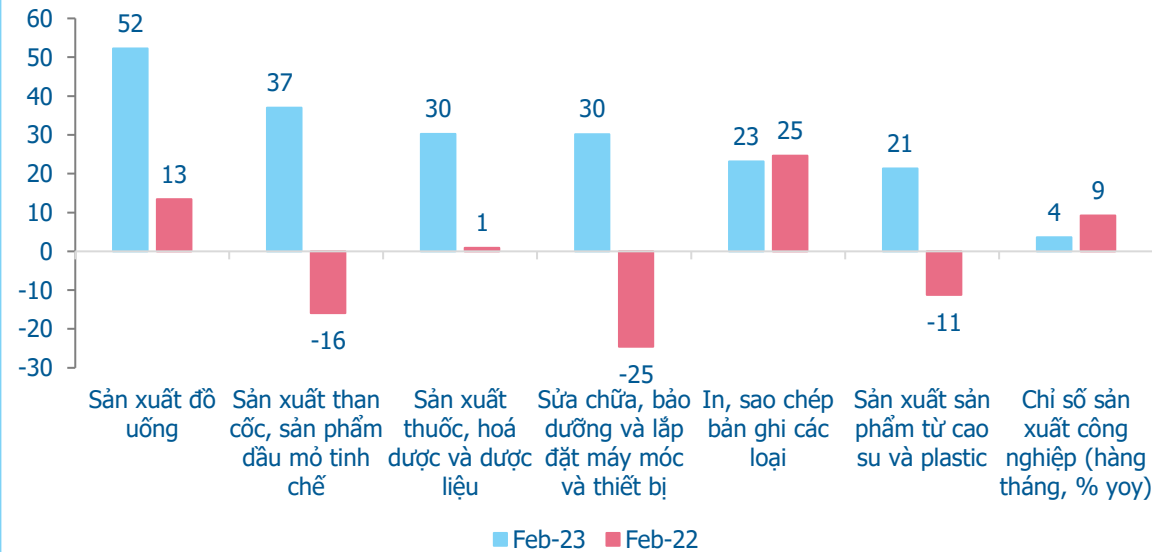
- Giá trị toàn ngành sản xuất công nghiệp đến tháng 2 năm 2023 giảm 6.32% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm mạnh nhất 6.87%, đóng góp cao nhất vào mức giảm của toàn ngành.

- Chỉ số IIP tháng 2 năm 2023 ước tăng 5,1% so với tháng trước, và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất so với các quý của năm 2022 do đơn hàng sụt giảm, chi phí đầu vào ở mức cao và thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu.
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 2/2023 đạt 51.2 điểm, tăng 3.8 điểm so với tháng trước cho thấy sức khỏe ngành sản xuất đang có dấu hiệu hồi phục.

Biểu đồ 5: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (ytd, %yoy)



Biểu đồ 6: Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, phân loại theo các ngành công nghiệp

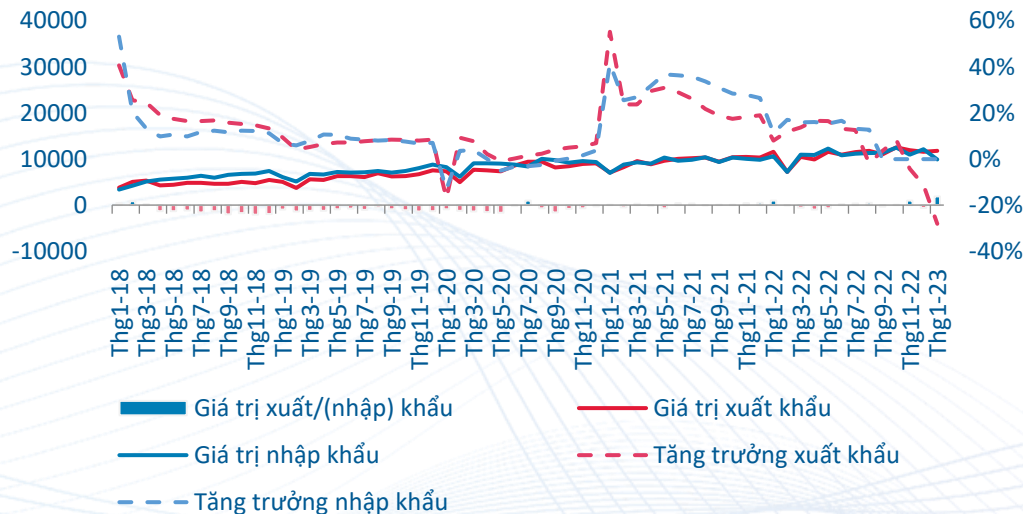


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

XUẤT NHẬP KHẨU LÀ ĐỘNG LỰC CHÍNH THÚC ĐẨY NỀN KINH TẾ

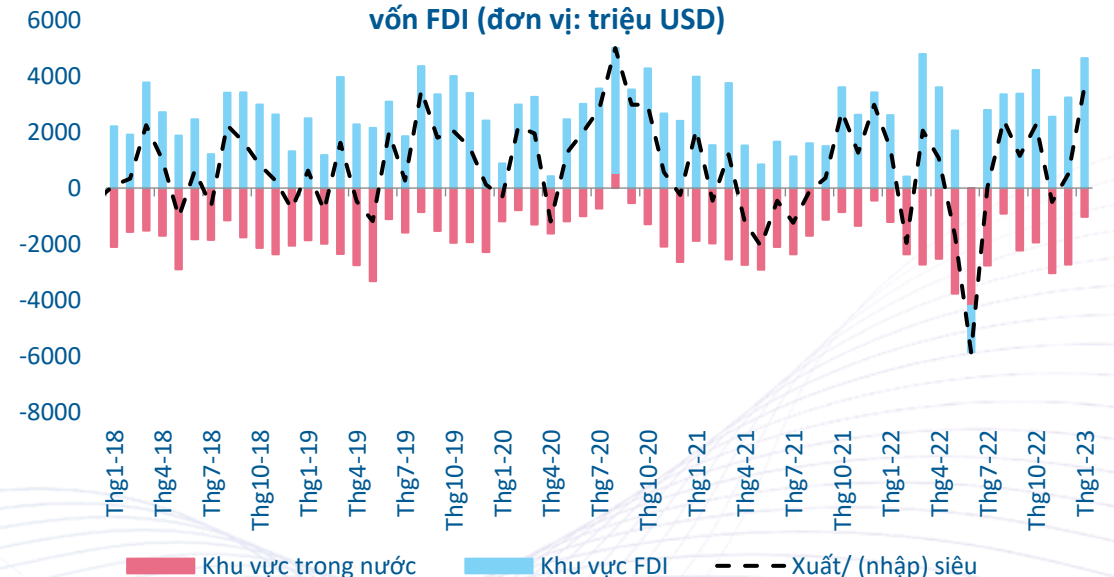
- Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 49,44 tỷ USD, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 11,52 tỷ USD, giảm 21,1%, chiếm 23,3% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,92 tỷ USD, giảm 6,6%, chiếm 76,7%.
- Tính chung hai tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 46,62 tỷ USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,21 tỷ USD, giảm 17,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 31,41 tỷ USD, giảm 15,3%.

Biểu đồ 7: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu và tốc độ tăng trưởng trong nước



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 8: Giá trị xuất nhập khẩu khu vực trong nước và khu vực vốn FDI (đơn vị: triệu USD)

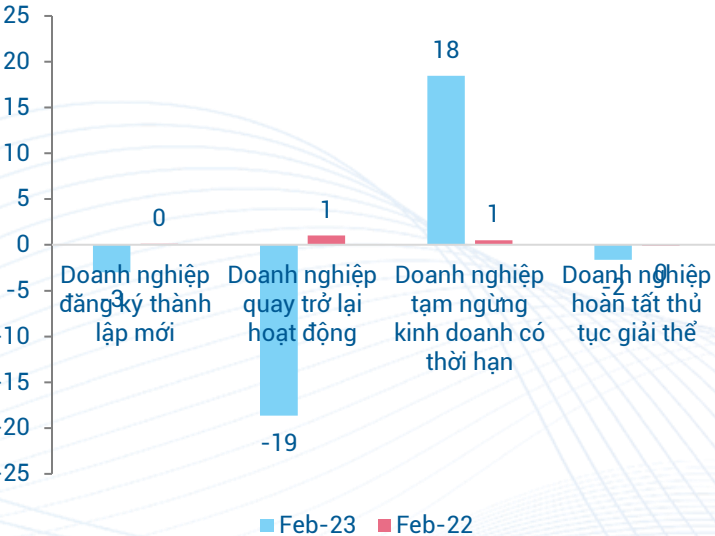


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI TĂNG MẠNH

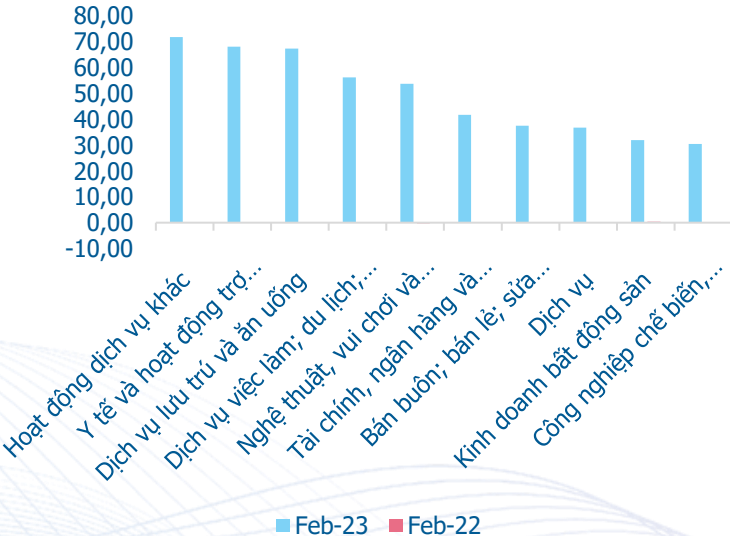
- Tính đến tháng 2 năm 2023, doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm 2,98%, doanh nghiệp quay trở lại hoạt động giảm 18,64% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường có thời hạn tăng 18,4% so với cùng kỳ.

Biểu đồ 9: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới (đơn vị: %)



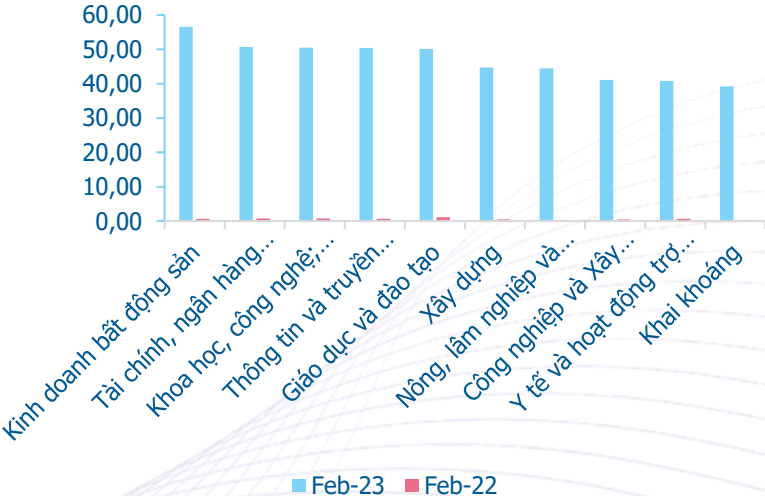
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 10: Tăng trưởng doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhiều nhất (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 11: Tăng trưởng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn tăng nhiều nhất (đơn vị: %)

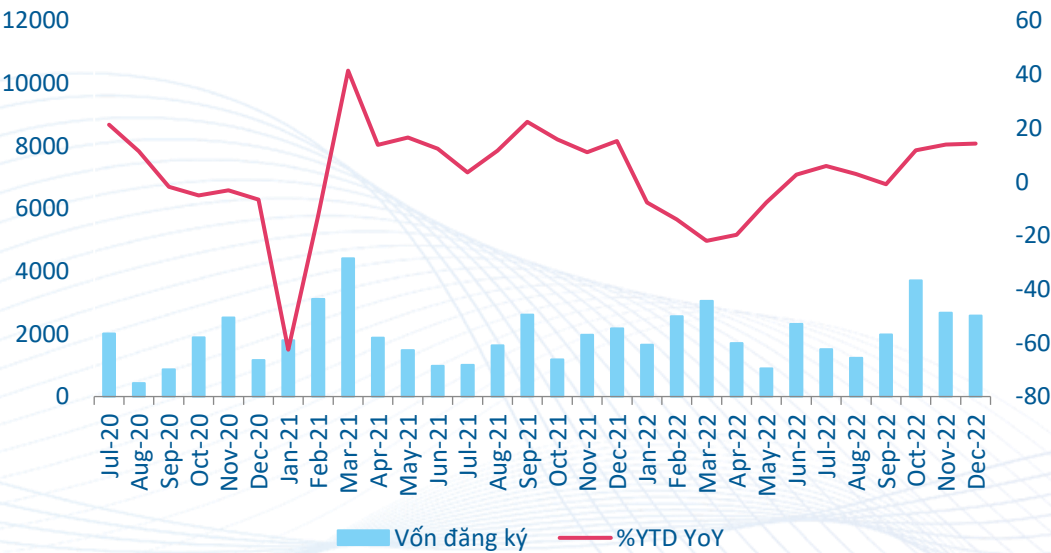


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

DÒNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TĂNG TRƯỞNG KỶ LỤC

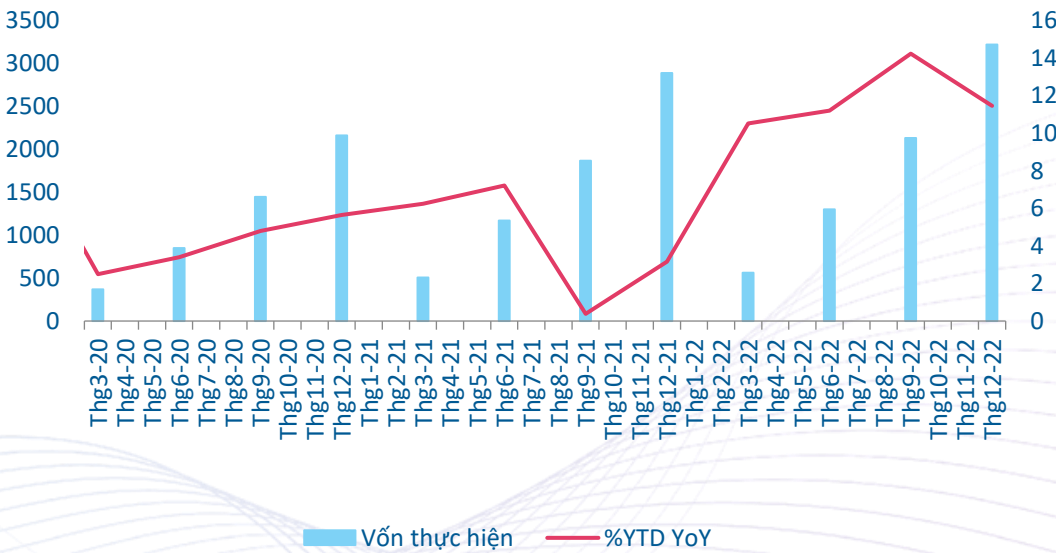
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến cuối tháng 2 đạt 3,1 tỷ USD, giảm 38% so với cùng kỳ năm trước nhưng **dòng vốn FDI vẫn trên đà tăng trưởng mạnh mẽ kể từ năm 2018 trở lại đây**. Cụ thể, vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài giai đoạn 2019 – 2022 dao động quanh 28 – 38 tỷ USD.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam hai tháng đầu năm 2023 ước đạt 2,55 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,97 tỷ USD, chiếm 77,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 231,8 triệu USD, chiếm 9,1%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 154,3 triệu USD, chiếm 6%.

Biểu đồ 12: Vốn FDI đăng ký mới hàng tháng, ytd, %yoy



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 13: Vốn FDI thực hiện hàng tháng, ytd, %yoy

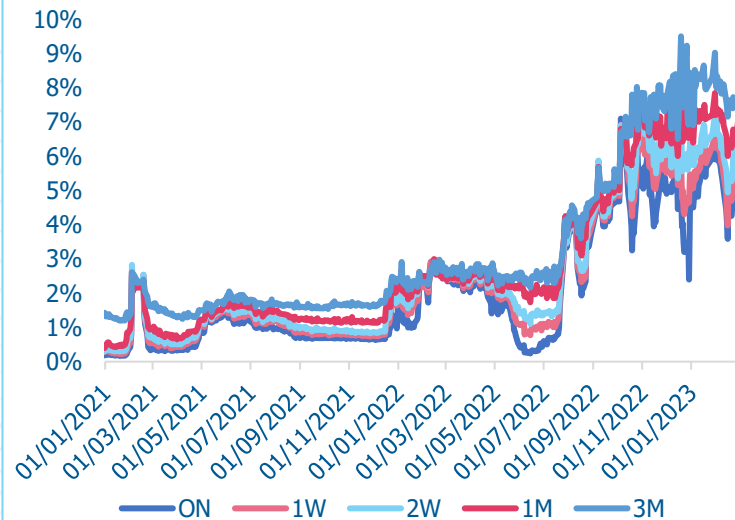


Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH LẦN ĐẦU TĂNG MẠNH SAU 11 NĂM

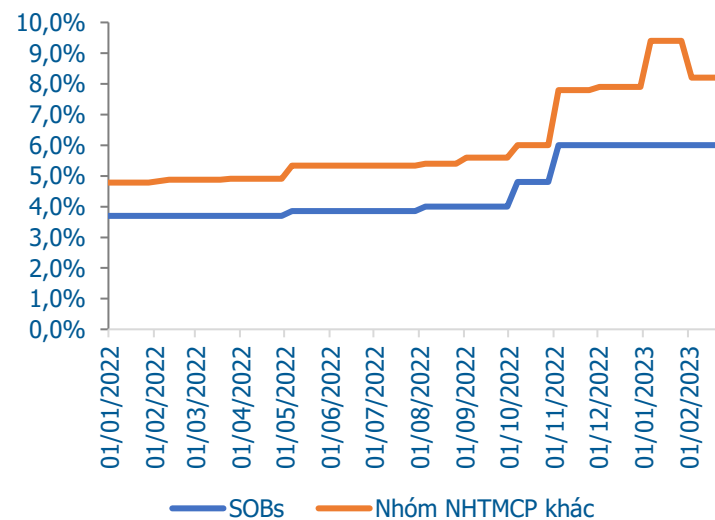
- Lãi suất tiền gửi liên ngân hàng qua đêm tính đến ngày 28/02/2023 là 5,34%.
- Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 5,4% và của các ngân hàng thương mại là 6%
- Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 6% và của các ngân hàng thương mại là 8,2%
- Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng quốc doanh là 7,4% và của các ngân hàng thương mại là 8,9%
- Lãi suất tiền gửi các kỳ hạn và liên ngân hàng đang có dấu hiệu hạ nhiệt những tháng đầu năm và đã đạt đỉnh vào tháng 12/2022 và tháng 1/2023.
- **Chúng tôi kỳ vọng** lãi suất điều hành sẽ được duy trì ở mức như hiện tại trong năm 2023. Bên cạnh đó, **chúng tôi dự báo** lãi suất huy động có xu hướng giảm dần về cuối năm 2023, đặc biệt chiều hướng này sẽ gia tăng khi FED dự kiến sẽ giảm lãi suất điều hành vào Quý 4/2023, như chúng tôi dự phóng.

Biểu đồ 14: Lãi suất liên ngân hàng các kỳ



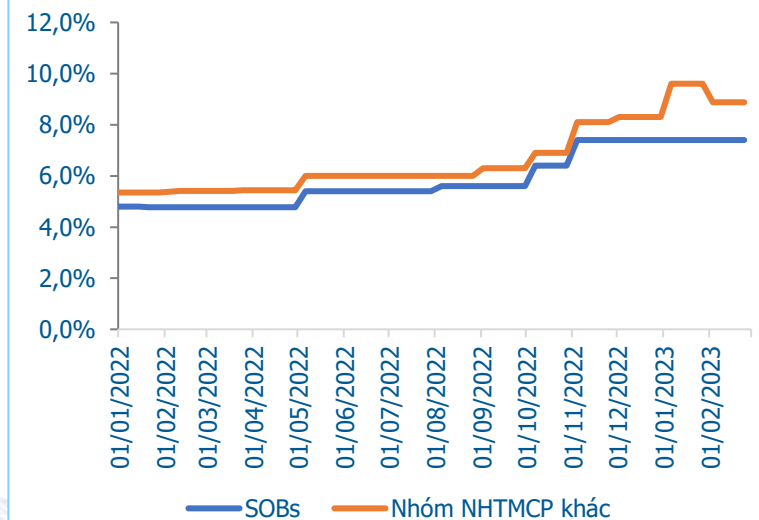
Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 15: Lãi suất tiền gửi từ 6-9 tháng



Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 16: Lãi suất tiền gửi VND từ 12 tháng

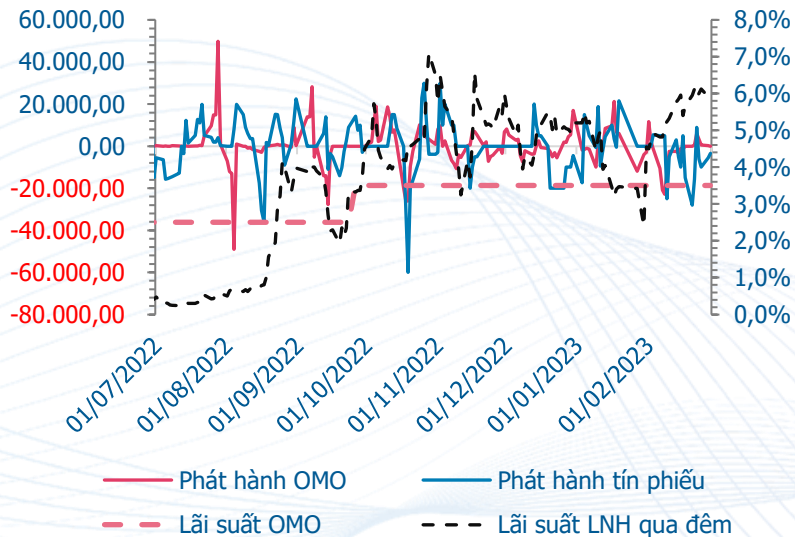


Nguồn: SBV, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

NGUỒN CUNG VỐN CHO NỀN KINH TẾ GIẢM MẠNH

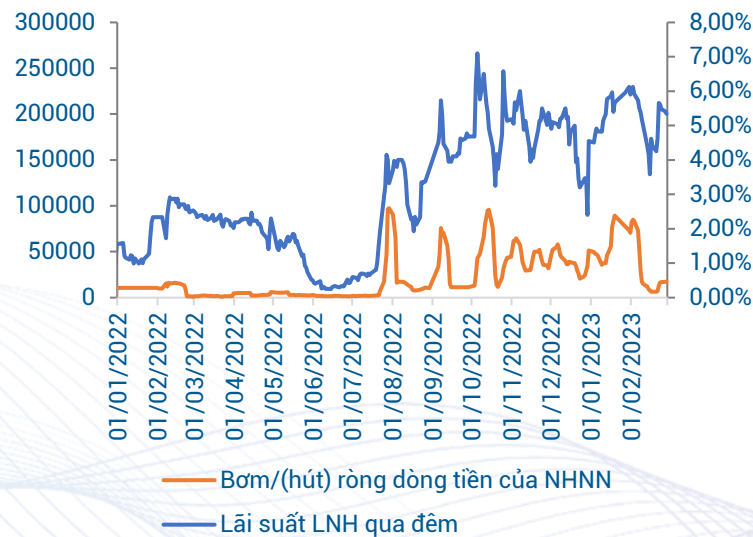
- Tính đến ngày 30/1/2023, NHNN đã hút ròng gần 46,5 nghìn tỷ đồng trên cả hai kênh tín phiếu và thị trường mở. Số liệu thống kê này thấp hơn gần gấp 3 lần so với tháng 12/2022. Điều này phù hợp với nhận định của chúng tôi khi Chính Phủ quyết tâm đồng thời ổn định vĩ mô và phát triển kinh tế.
- Chúng tôi dự báo** tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt 15%, thêm 0,8% so với năm 2022 trong bối cảnh nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn đang bức thiết và kênh dẫn vốn từ thị trường trái phiếu suy giảm.
- Đến giữa tháng 2 năm 2023, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đạt khoảng 91,78 tỷ USD
- Chúng tôi dự báo** dự trữ ngoại hối của Việt Nam về cuối năm phục hồi về gần 105 tỷ USD khi các thặng dư thương mại hồi phục nhờ Trung Quốc hoàn toàn mở cửa trở lại và kỳ vọng lạm phát ở Hoa Kỳ kiểm soát về mức 2% như các nhà hoạch định chính sách đề ra.

Biểu đồ 17: Khối lượng phát hành OMO và tín phiếu



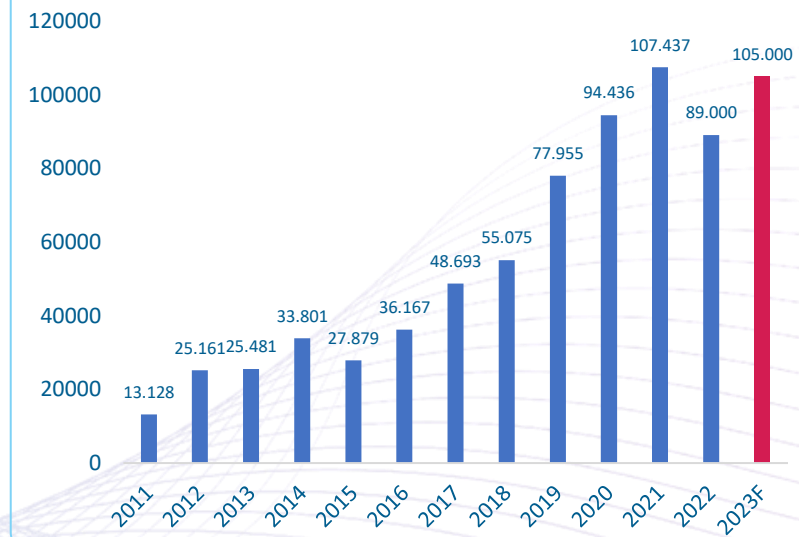
Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 18 : Lãi suất LNH qua đêm và cung tiền từ NHNN



Nguồn: Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

Biểu đồ 19: Dự trữ ngoại hối (đơn vị: triệu USD)

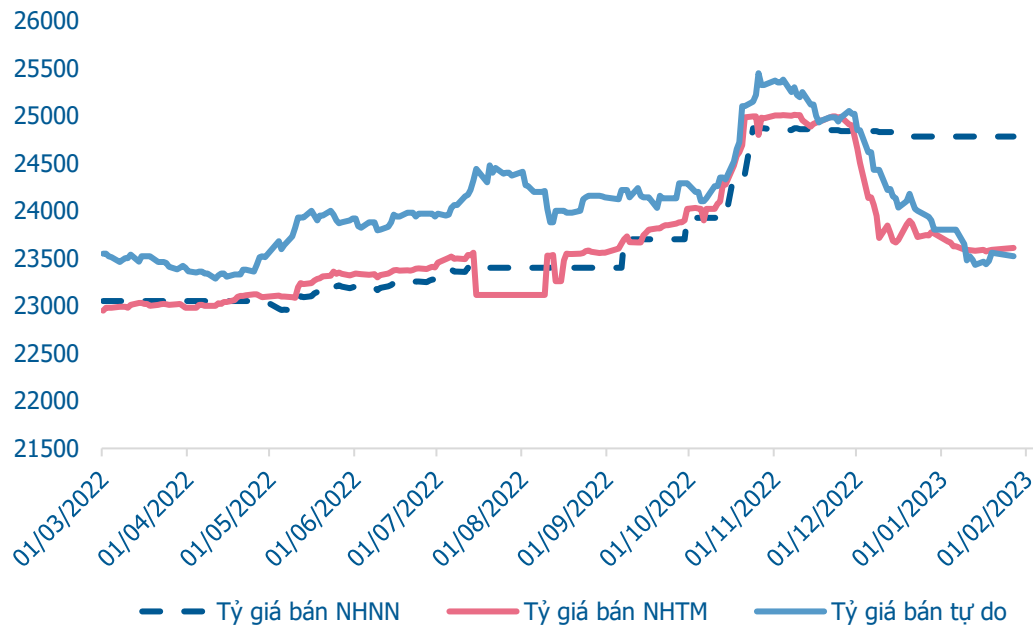


Nguồn: Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo

TỶ GIÁ USD/VND ỔN ĐỊNH

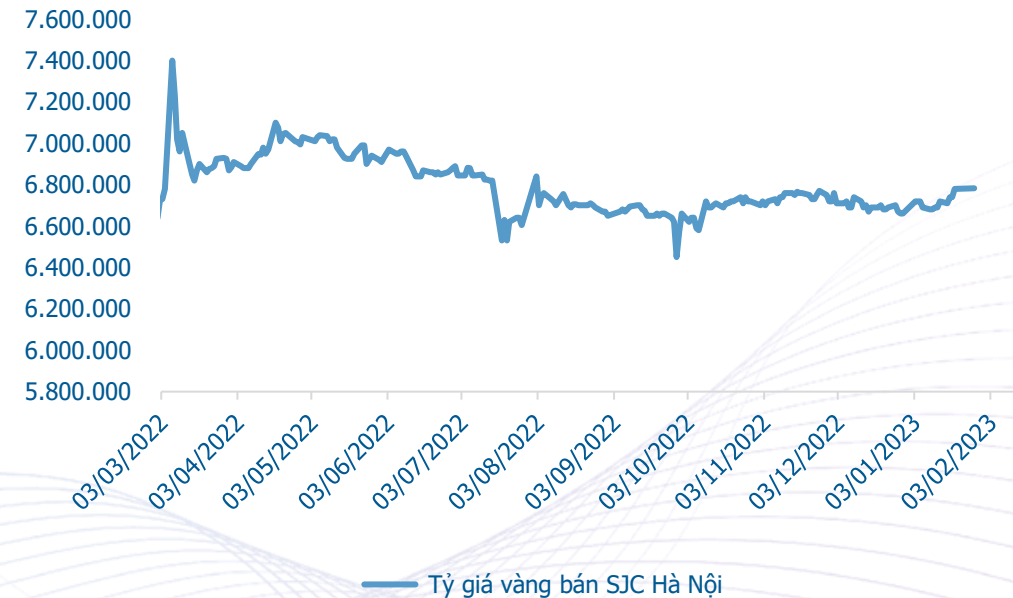
- Trong tháng 2 năm 2023, tỷ giá VND/USD của NHNN duy trì ở mức 24.780 vẫn duy trì ở mức cao. Trong khi đó, tỷ giá VND/USD của NHTM đang ở mức 23.940 đã hạ nhiệt so với cuối năm 2022.
- Chúng tôi dự báo** tỷ giá VND/USD tiếp tục đi ngang hoặc giao động trong biên độ hẹp quanh ngưỡng 24.000 – 24.500 trong hầu hết cả năm 2023 trước khi đón nhận diễn biến tích cực từ tình hình kinh tế toàn cầu.
- Giá vàng miếng của SJC đang là 66,80 triệu đồng/lượng

Biểu đồ 20: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

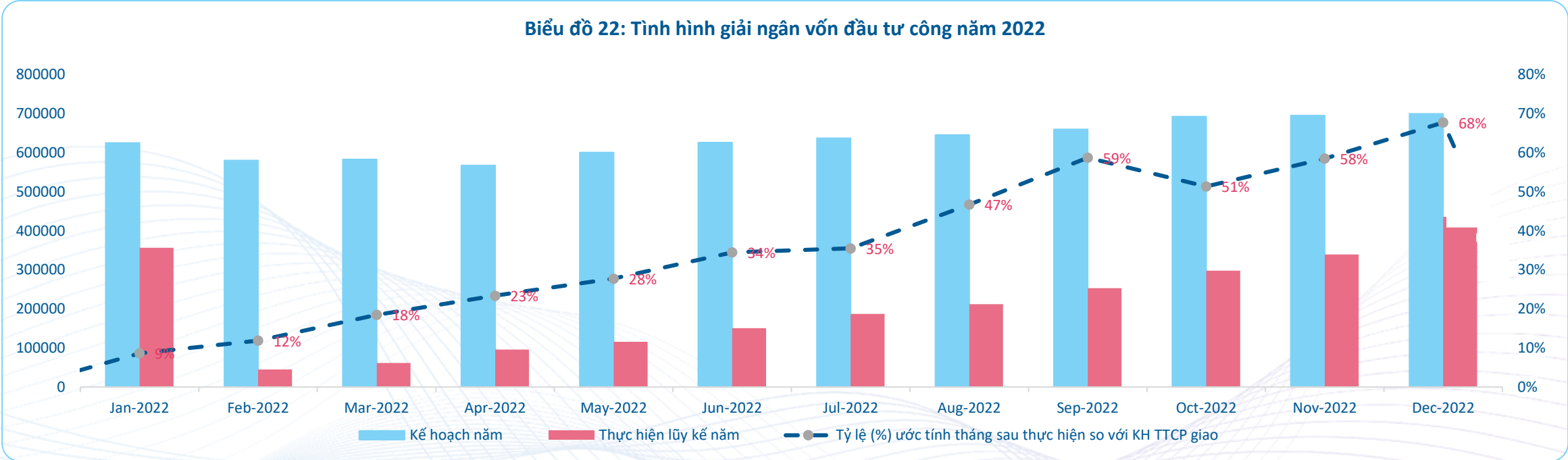
Biểu đồ 21: Tỷ giá vàng bán ra SJC Hà Nội



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ ƯỚC TÍNH ĐẠT 68% NĂM 2022

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công của cả nước trong 2 tháng đầu năm đạt khoảng 49.247 tỷ đồng, tương đương 6,55% kế hoạch Thủ Tướng Chính Phủ (TTCP) giao, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 (8,61%)
- Có 10 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 10%. Một số bộ, địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt cao gồm: Điện Biên (23,44%), Tiền Giang (21,04%), Lâm Đồng (20,31%).
- Chúng tôi dự báo** vốn đầu tư công cần đạt 80-85% trong năm 2023 so với kế hoạch của TTCP thì tăng trưởng nền kinh tế mới đạt ngưỡng tích cực. Cùng với những nhận định về yếu tố vĩ mô trên, chúng tôi đặt dự báo khả quan rằng giải ngân vốn đầu tư công có khả năng đạt được mục tiêu này.



Nguồn: SBV; CTS tổng hợp và dự báo

DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023

TOTAL SALES BY REGION			
REGION	SALES	€	
Europe	1 236 345,0	€	Copper
Asia	1 896 354,0	€	Steel
North America	2 569 345,0	€	Gold
South America	893 543,0	€	Silver
Africa	587,0	€	Platinum

TỔNG QUAN DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023

- **Chúng tôi dự báo** tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6,8% trong năm 2023 dựa trên kịch bản cơ sở thiên về tích cực.
- **Chúng tôi kỳ vọng** lạm phát đạt 4,5%, tỷ giá dao động quanh 24.000-24.500, lãi suất tái chiết khấu duy trì 4,5%, tốc độ tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới trên 15%, tăng trưởng tín dụng có thể đạt từ 15% trở lên, và giải ngân vốn đầu tư công khả năng cao đạt kế hoạch 80-85% kế hoạch của Chính Phủ đề ra tính đến hết năm 2023.

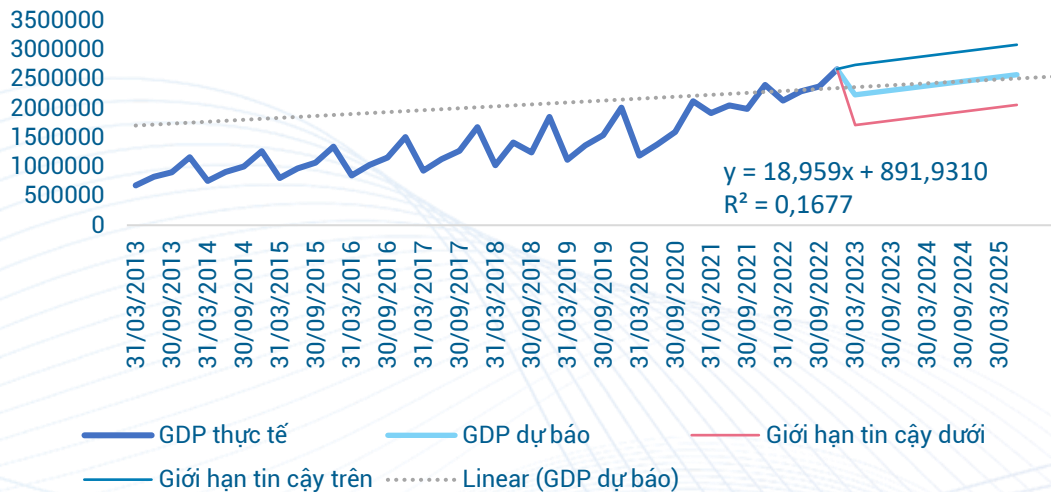
CTS DỰ BÁO NĂM 2023	ĐƠN VỊ	TÍCH CỰC	TIÊU CỰC
Chỉ số giá tiêu dùng - CPI	% yoy	4,5%	> 4,5%
Tỷ giá USD/VND	VNĐ	24.000 – 24.500	> 24.500
Lãi suất tái chiết khấu	% yoy	4,5%	> 4,5%
Tăng trưởng tín dụng	% yoy	≥ 15%	< 15%
Tăng trưởng vốn FDI đăng ký mới	% ytd	15%	< 15%
Giải ngân đầu tư công	% ytd	80 – 85%	< 80%
Tăng trưởng GDP	% yoy	6,8%	< 6,8%

Chú thích: CTS dự báo khả năng có thể xảy ra

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM – GDP ĐẠT 6,8% TRONG NĂM 2023

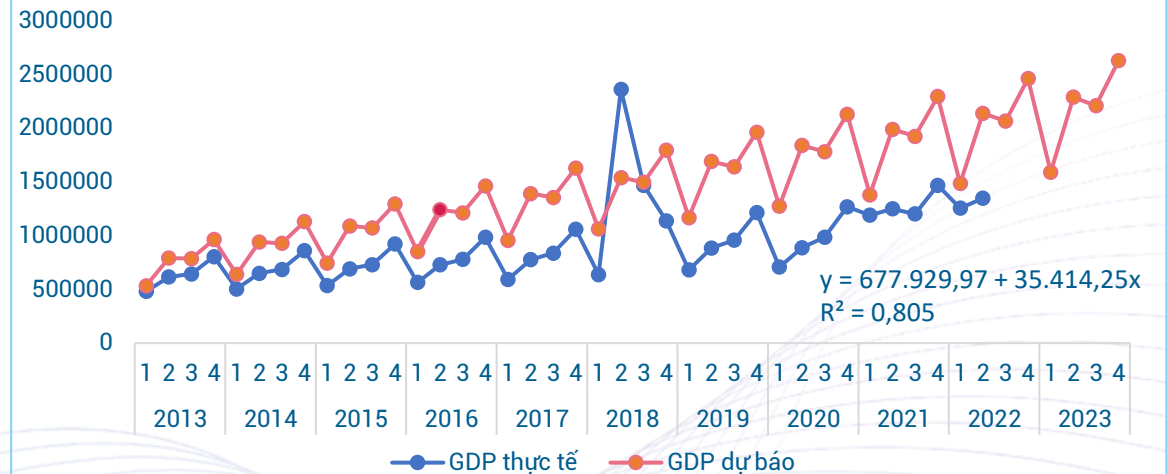
- Nhìn từ quan điểm định lượng, chúng tôi sử dụng hai mô hình hồi quy dự báo. Mô hình OLS với phương trình $y = 18,959x + 891,9310$, trong đó chỉ số R-square chỉ đạt 16,17%, và mô hình hồi quy chuỗi thời gian với phương trình: $Y = 677.929,97 + 35.414,25x$ với R-Square đạt 80,5%. **Chúng tôi đánh giá** tuy hai mô hình này cho thấy sự khác nhau về mức độ giải thích nhưng đều dự đoán GDP sẽ tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Trong năm 2022, cả hai mô hình đều dự đoán đúng xu hướng tăng của chỉ số GDP Việt Nam. Tuy nhiên, trong mô hình đầu tiên, giá trị chỉ số GDP của năm 2022 chỉ lệch khoảng 80 nghìn tỷ đồng, tương đương độ lệch 3,5% so với kịch bản tích cực (Upper Confidence Bound – GDP). Do vậy, **chúng tôi tiếp tục đặt dự báo** tăng trưởng dương cho GDP của Việt Nam trong năm 2023 dựa trên kịch bản cơ sở thiên tích cực.

Biểu đồ 26: Dự báo GDP của Việt Nam sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính bằng phương pháp OLS (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

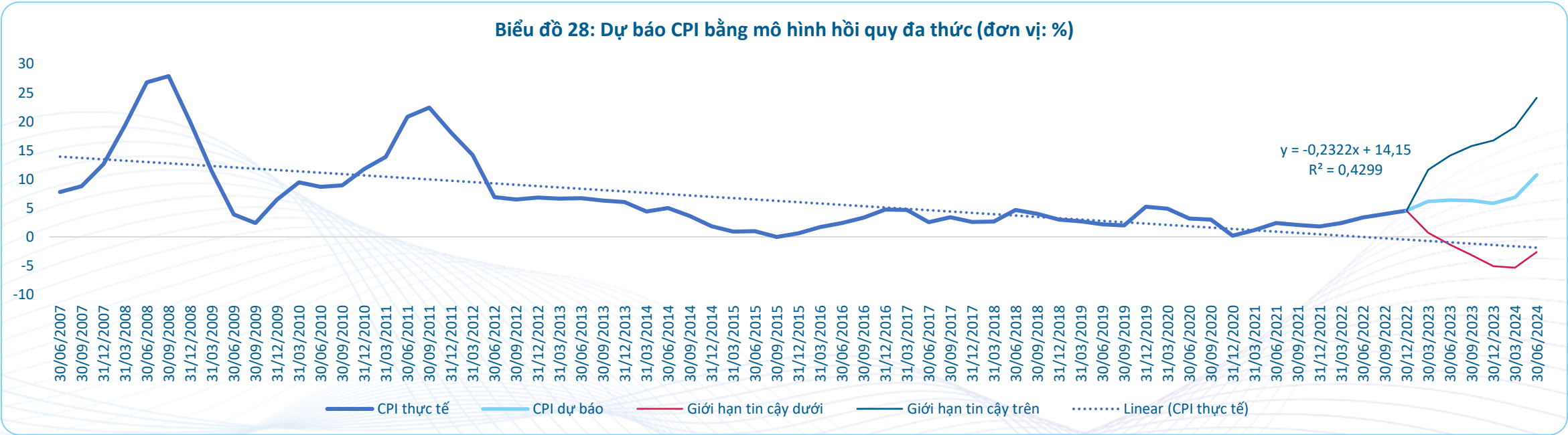
Biểu đồ 27: Dự báo GDP của Việt Nam sử dụng mô hình chuỗi thời gian bằng phương pháp ARIMA (đơn vị: %)



Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

DỰ BÁO CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CỦA VIỆT NAM ĐẠT 4,5% TRONG NĂM 2023

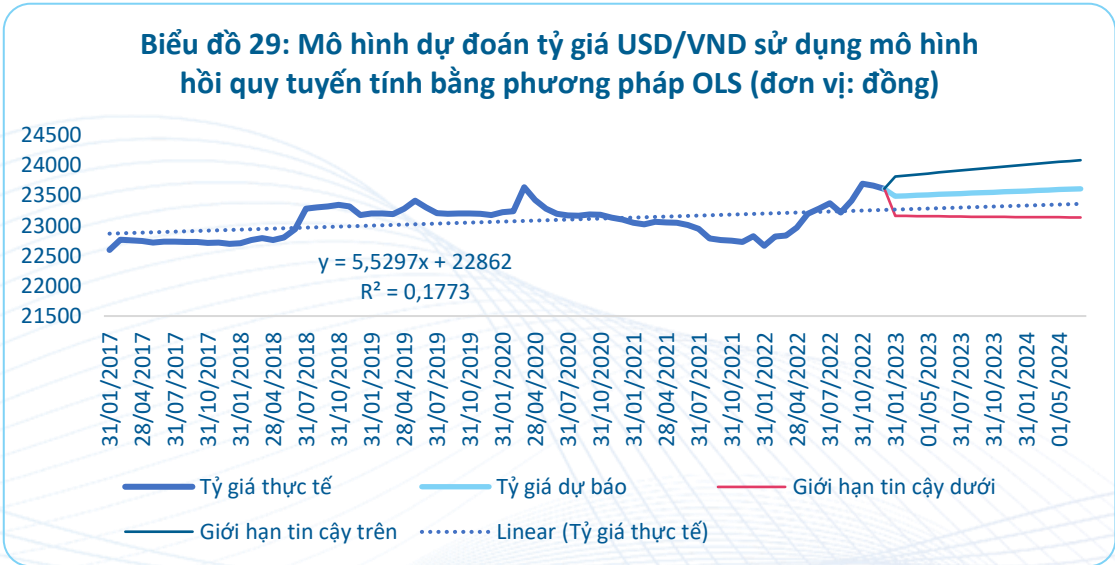
- Về phân tích định lượng, chúng tôi sử dụng hai mô hình hồi quy tuyến tính bằng phương pháp OLS cho kết quả phương trình $y = -0,2322x + 14,15$ với R-square đạt 42,99%. **Mô hình này trong kịch bản cơ sở (đường Forecast CPI) cho xu hướng tổng thể tăng**, trong đó, chỉ số CPI dự phóng tăng mạnh đến cuối năm 2023 - đạt 5,8%.
- Về phân tích định tính, **chúng tôi dự báo**, dựa trên kịch bản tích cực – cơ sở – tiêu cực, chỉ số CPI đạt lần lượt 5% - 4,5% - 4,3%, phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế, và sự phục hồi du lịch. Do vậy, nhìn chung, **chúng tôi dự báo chỉ số CPI của Việt Nam có xu hướng tăng và có khả năng cao đạt 4,5% vào năm 2023.**



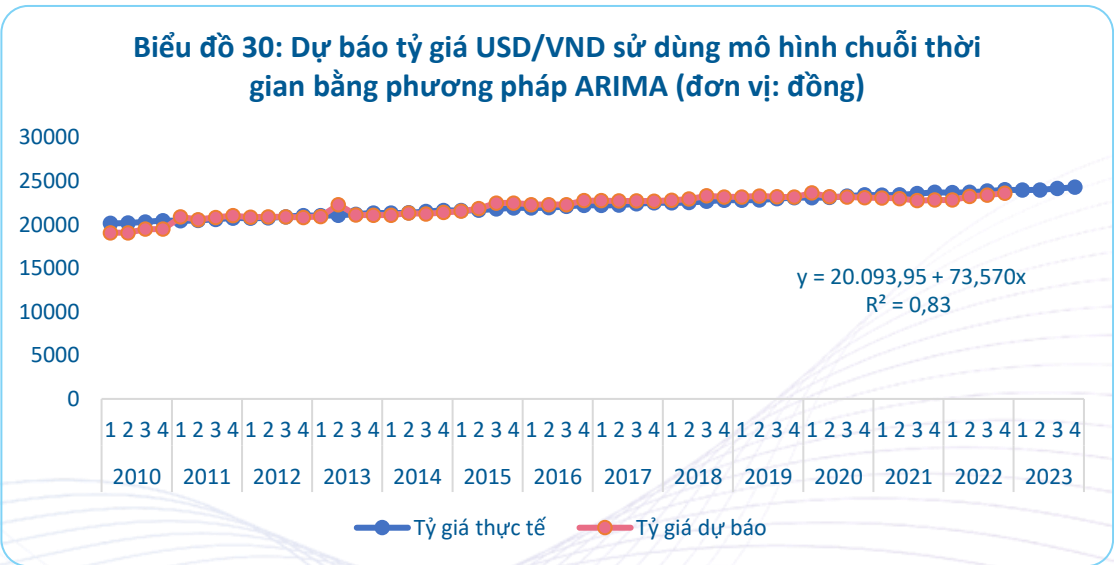
Nguồn: GSO; CTS tổng hợp và dự báo

DỰ BÁO TỶ GIÁ USD/VND TĂNG, ĐẠT 24.000 – 24.500 VÀ LÃI SUẤT TÁI CHIẾT KHẤU DUY TRÌ 4,5% TRONG NĂM 2023

- Từ góc độ định lượng, , chúng tôi sử dụng hai mô hình hồi quy dự báo. Mô hình OLS với phương trình $y = 5,5297x + 22.862$ có $R^2 = 0,1773$ và mô hình hồi quy chuỗi thời gian cho phương trình $y = 20.093,95 + 73,570x$ có R-square bằng 83%. Cả hai mô hình đều cho thấy xu hướng tỷ giá USD/VND tăng nhẹ và đi ngang trong biên độ hẹp trong năm 2023.
- Ở góc độ định tính, **chúng tôi nhận định** tỷ giá USD/VND có mối quan hệ mật thiết với chính sách điều hành tiền tệ. Cụ thể, trong năm 2022, NHNN đã thực hiện liên tiếp hai lần tăng lãi suất sau 11 năm và như **chúng tôi phân tích** ở trên, rất có thể lãi suất điều hành đã đạt đỉnh trong tháng 1/2023. Do vậy, **chúng tôi dự báo** tỷ giá dao động quanh ngưỡng 24.000 – 24.500 vào năm 2023 và lãi suất tái chiết khấu duy trì 4,5%.



Nguồn: GSO, Bloomberg; CTS tổng hợp và dự báo



Nguồn: SBV, Bloomberg, CTS tổng hợp và dự báo

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2022 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (CTS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CTS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CTS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CTS,

ĐÀO TUẤN TRUNG

Trưởng phòng Nghiên cứu phân tích

📍 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

✉️ trungdt@cts.vn 📞 +84-949-993-829

NGUYỄN PHƯƠNG MAI

Chuyên gia phân tích – Trưởng nhóm

📍 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

✉️ mainp@cts.vn 📞 +84-904-854-958

NGÔ CÔNG BÌNH

Chuyên gia phân tích

📍 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

✉️ binhnc@cts.vn 📞 +84-968-228-809

BÙI TIẾN VIỆT

Chuyên gia phân tích

📍 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

✉️ vietbt@cts.vn 📞 +84-373-111-701

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính

📍 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ 024 3974 1771 🏢 024 3974 1760

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

📍 49 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
☎ 024 3974 1771 🏢 028 3820 0899

Chi nhánh Đà Nẵng

📍 36 Trần Quốc Toản, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
☎ 024 3974 1771 🏢 023 6358 4788